



Ký bởi: THUẾ CƠ SỞ 1 TỈNH TUYÊN
QUANG
Cơ quan: CỤC THUẾ, THUẾ TỈNH
TUYÊN QUANG, BỘ TÀI CHÍNH
Ngày ký: 01/04/2026 13:55:58 +07:00

THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG
THUẾ CƠ SỞ 1 TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **138** /TCS1-NVDTPC

An Tường, ngày **01** tháng **4** năm 2026

V/v giới thiệu điểm mới Thông tư số
20/2026/TT-BTC và Thông tư số
21/2026/TT-BTC

Kính gửi: Các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn

Ngày 12/3/2026, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 20/2026/TT-BTC Quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/3/2026; Cục Thuế đã có Công văn số 1696/CT-CS ngày 25/3/2026 về việc giới thiệu Thông tư số 21/2026/TT-BTC.

Ngày 17/3/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 21/2026/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/3/2021.

Để giúp các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức, đơn vị, cá nhân, hộ kinh doanh (sau đây gọi tắt là “Người nộp thuế”) trên địa bàn thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong thực hiện chính sách pháp luật thuế. Thuế cơ sở 1 tỉnh Tuyên Quang giới thiệu một số điểm mới cần lưu ý để người nộp thuế (NNT) chủ nghiên cứu và thực hiện như sau:

I. THÔNG TƯ SỐ 21/2026/TT-BTC

1. Về hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất:

Thông tư số 21/2026/TT-BTC chỉ quy định hồ sơ miễn tiền thuê đất một số năm, giảm tiền thuê đất đối với 04 trường hợp được Chính phủ giao quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024.

2. Về hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất:

Bãi bỏ Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC để phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

3. Về xử lý chuyển tiếp về hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Thông tư quy định trong thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành trình tự, thủ tục hành chính về đất đai, trong đó có giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 22 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại Điều 59, Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC hoặc quyết định hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Về mức kinh phí ủy nhiệm thu:

Sửa đổi, bổ sung quy định về mức kinh phí ủy nhiệm thu theo hướng quy định Cục trưởng Cục thuế quyết định mức kinh phí ủy nhiệm thu phù hợp với từng địa bàn. Mức kinh phí ủy nhiệm thu bình quân không vượt quá 6% trên tổng số tiền thu được, Cục Thuế được điều hòa giữa các địa phương.

5. Về khai thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thông tư số 21/2026/TT-BTC quy định thay thế một số mẫu biểu về thuế Thu nhập doanh nghiệp, cụ thể: (i) Thay thế Mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC bằng Mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này; (ii) Thay thế Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC bằng Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

Đồng thời bổ sung quy định xử lý chuyển tiếp đối với trường hợp doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ có hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký trước ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp nước ngoài thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn theo Mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

II. THÔNG TƯ SỐ 20/2026/TT-BTC

1. Quy định chi tiết và cụ thể hơn về Hồ sơ chi phí được trừ

Thông tư 20/2026/TT-BTC dành một phần lớn nội dung để quy định cụ thể các loại giấy tờ, chứng từ cần thiết để một khoản chi được công nhận là chi phí hợp lý tại Điều 3.

So với quy định trước đây tại Thông tư 78/2014/TT-BTC, quy định mới tại Điều 3 Thông tư 20/2026/TT-BTC bổ sung nhiều yêu cầu về hồ sơ chi phí được trừ, cụ thể:

a) Chi đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Phải có hợp đồng lao động/quy chế tài chính quy định rõ việc chi đào tạo; quyết định cử đi học; hồ sơ đăng ký và đặc biệt là văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy xác nhận kết quả học tập.

b) Chi phí các khoản tài trợ

Đối với tài trợ giáo dục, y tế, khắc phục thiên tai... hồ sơ bắt buộc phải có Biên bản xác nhận khoản tài trợ theo Mẫu số 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Chi phí không tương ứng với doanh thu trong kỳ

Thông tư cho phép tính vào chi phí được trừ đối với một số trường hợp đặc thù như: chi phí đấu thầu nhưng không trúng thầu; chi phí nghiên cứu thị trường/sản phẩm mới nhưng không thành công; chi phí khấu hao tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê...

- Chi phí của bên tham gia dự thầu phải bỏ ra cho hoạt động tham gia đấu thầu nhưng không trúng thầu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và các tài liệu liên quan theo quy định về đấu thầu.

- Chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ; chi phí đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ mới nhưng không thành công hoặc dừng triển khai: Báo cáo nghiên cứu phát triển thị trường, sản phẩm, dịch vụ mới theo điểm i2 khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

- Chi phí thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng tại các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp... trong trường hợp chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh:

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có);

+ Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê đất, cơ sở hạ tầng, trong đó quy định rõ các khoản chi phí doanh nghiệp phải trả cho tiền thuê đất, chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng.

- Chi phí khấu hao hoặc phân bổ chi phí đối với tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê: Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; hồ sơ quản lý, hạch toán tài sản.

- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh; chi phí khôi phục sau tạm ngừng kinh doanh; chi phí hoàn trả hiện trạng khi giải thể hoặc chấm dứt hoạt động:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo hoặc giấy xác nhận về việc văn phòng đại diện tạm ngừng hoạt động/tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo;

+ Thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể hoặc thông báo về việc chấm dứt tồn tại chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh; trường hợp hoàn trả lại hiện trạng phải có biên bản bàn giao hiện trạng.

- Chi phí giới thiệu, marketing sản phẩm, dịch vụ trước khi bán hàng: Báo cáo về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm, dịch vụ.

- Chi phí hủy hàng tồn kho hư hỏng, lạc hậu, hết hạn, không còn giá trị sử dụng; hủy nguyên liệu, vật tư, linh kiện không còn nhu cầu sử dụng:

+ Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện;

+ Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện do doanh nghiệp lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án xử lý đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nêu trên do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm;

+ Quyết định thành lập Hội đồng xử lý việc tiêu hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện; quyết định xử lý của Hội đồng xử lý;

- Chi phí hủy tài sản hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc hủy tài sản; biên bản kiểm kê giá trị tài sản do doanh nghiệp lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân hư hỏng, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án xử lý tài sản do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm; quyết định thành lập Hội đồng xử lý việc hủy tài sản; quyết định xử lý của Hội đồng xử lý;

- Chi phí hủy phế liệu, phế phẩm trong quá trình sản xuất: Biên bản xác định việc hủy phế liệu, phế phẩm do doanh nghiệp lập và được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

d) Chi phí giảm phát thải nhà kính:

Lần đầu tiên quy định rõ hồ sơ đối với các khoản chi liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính (Net Zero) và trung hòa các-bon, yêu cầu phải có đề án hoặc dự án cụ thể.

Hồ sơ của khoản chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hòa các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Quyết định của người có thẩm quyền của doanh nghiệp về việc thực hiện giảm phát thải khí nhà kính;

- Hồ sơ dự án hoặc đề án liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính.

e) Hồ sơ ủy quyền cho nhân viên thanh toán không dùng tiền mặt từ 5 triệu đồng

Hồ sơ đối với khoản chi do doanh nghiệp ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, gồm:

- + Hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ;

- + Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- + Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người lao động khi mua hàng hóa, dịch vụ theo ủy quyền của doanh nghiệp;

- + Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động.

2. Quy định rõ thời điểm xác định doanh thu tính thuế trong một số trường hợp

Điều 5 Thông tư 20 bổ sung các quy định mới về thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong một số trường hợp như sau:

Đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam:

- Đối với hàng hóa xuất khẩu là: Ngày chuyển giao quyền sở hữu theo hợp đồng xuất khẩu hàng hóa. Trường hợp hợp đồng xuất khẩu hàng hóa không quy định về thời điểm chuyển giao quyền sở hữu thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ theo quy định về cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu của pháp luật về hải quan;

- Đối với hoạt động vận tải hàng không: Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua;

- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả đóng tàu: Thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành hay phần công việc thực hiện bàn giao, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền;

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước: Ngày xác nhận chỉ số công tơ điện, nước và được ghi trên hóa đơn tính tiền điện, tiền nước.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

- Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn: Thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn;

- chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi: Thời điểm chuyển nhượng;

- Đối với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai: Thời điểm khớp lệnh mua, bán hợp đồng tương lai của nhà đầu tư trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm hợp đồng tương lai đáo hạn.

3. Mở rộng và làm rõ nghĩa vụ thuế của Doanh nghiệp nước ngoài

Điều 7 Thông tư 20 làm rõ nghĩa vụ thuế của Doanh nghiệp nước ngoài, tập trung vào các hoạt động kinh doanh hiện đại chưa được hướng dẫn tại Thông tư 78:

- **Thương mại điện tử và nền tảng số:** Quy định rõ các doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh thương mại điện tử, dựa trên nền tảng số tại Việt Nam (có hoặc không có cơ sở thường trú) đều thuộc đối tượng áp dụng,.

- **Tái cơ cấu nội bộ tập đoàn:** Bổ sung trường hợp không áp dụng thuế đối với giao dịch tái cơ cấu sở hữu trong nội bộ tập đoàn nếu không làm thay đổi công ty mẹ tối cao và không phát sinh thu nhập (với các điều kiện đi kèm về giá trị ghi sổ và kế thừa nghĩa vụ),.

- **Phương pháp tính thuế:** Thuế TNDN được xác định bằng: Doanh thu tính thuế x Tỷ lệ %. Nếu hợp đồng không tách riêng được giá trị các hoạt động thì áp dụng tỷ lệ % cao nhất cho toàn bộ giá trị hợp đồng.

4. Quản lý vốn đầu tư mở rộng và Quỹ KH&CN

- So với Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 20/2026/TT-BTC đã bổ sung một số quy định mới về quản lý vốn đầu tư mở rộng và Quỹ khoa học công nghệ (KH&CN) như sau:

Đăng ký vốn dự án mở rộng: Doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản về số vốn đăng ký đầu tư dự án mở rộng cho cơ quan thuế cùng thời điểm nộp Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Khoản 1 Điều 8).

Tài sản từ Quỹ KH&CN: Nếu tài sản cố định hình thành từ Quỹ KH&CN chưa hết hao mòn nhưng chuyển sang phục vụ sản xuất kinh doanh, phần giá trị còn lại phải tính vào thu nhập khác, nhưng đồng thời doanh nghiệp được trích khấu hao phần giá trị này vào chi phí được trừ (Khoản 1 Điều 9).

Thông tư mang tính hệ thống hóa cao và thay thế hoàn toàn hai thông tư quan trọng trước đây là Thông tư 78/2014/TT-BTC và Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Để khai thác toàn văn Thông tư số 20/2026/TT-BTC và Thông tư số 21/2026/TT-BTC, người nộp thuế truy cập Website: <https://vanban.chinhphu.vn>; <https://thuvienphapluat.vn> hoặc quét mã QR:



Thuế cơ sở 1 tỉnh Tuyên Quang tuyên truyền, phổ biến nội dung này đến NNT để thực hiện. Nếu có vướng mắc hoặc cần hỗ trợ hướng dẫn, đề nghị liên hệ với: Thuế cơ sở 1 tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Đường Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố 9, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang (Email: tcs1.tqu@gdt.gov.vn)

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp, số điện thoại: 02073.816.320;
- Tổ Quản lý các khoản thu khác (các khoản thu về đất đai, liên quan đến đất đai), số điện thoại: 02073.817.428 hoặc 02073.822.388;
- Tổ quản lý, hỗ trợ cá nhân số 1, số điện thoại: 02073.818.225 - máy lẻ 252 (Địa bàn phường Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường, Mỹ Lâm, Bình Thuận);
- Tổ quản lý, hỗ trợ cá nhân số 2, số điện thoại: 02073.818.165 (Địa bàn các xã: Kiến Thiết, Tân Long, Yên Sơn, Xuân Vân, Lục Hành, Nhữ Khê, Trung Sơn, Hùng Lợi, Thái Bình).

Thuế cơ sở 1 tỉnh Tuyên Quang thông báo đơn vị được biết và thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thuế tỉnh Tuyên Quang (Báo cáo);
- UBND xã, phường (phối hợp tuyên truyền);
- Lãnh đạo TCS1;
- Các Tổ thuế;
- Lưu: VT; NVDTPC.

Mã QR đánh giá sự hài lòng đối với CQT 



Tạ Văn Tuấn

